

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG IDICO**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (sau đây gọi tắt là "Công ty) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 07/8/2020. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 0302095576.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103008732 thay đổi lần thứ 06 ngày 07/8/2020 là: 249.492.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán HTI.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch (Bầu nhiệm kỳ 2022-2027 từ ngày 28/4/2022)
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ 2022-2027 từ ngày 28/4/2022)
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ 2022-2027 từ ngày 28/4/2022)
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ 2022-2027 từ ngày 28/4/2022)
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên độc lập (Bầu nhiệm kỳ 2022-2027 từ ngày 28/4/2022)
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 28/4/2022)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng ban (Bầu nhiệm kỳ 2022-2027 từ ngày 28/4/2022)
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ 2022-2027 từ ngày 28/4/2022)
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ 2022-2027 từ ngày 28/4/2022)

Ban Giám đốc

Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Lê Quốc Đạt
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Số: 90/2023/BCKT-CPA VIETNAM - HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được lập ngày 15/03/2023, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Đàm Tuấn Anh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		48.654.098.492	31.726.120.049
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	38.142.736.788	19.958.216.031
1. Tiền	111		3.934.600.108	19.958.216.031
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.208.136.680	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.412.012.746	9.411.265.550
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.535.915.293	7.350.355.270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		857.459.391	1.251.076.837
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.018.638.062	1.554.261.604
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	-	(744.428.161)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	99.348.958	2.356.638.468
1. Hàng tồn kho	141		99.348.958	2.356.638.468
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.461.232.677.666	1.524.311.576.452
I Các khoản phải thu dài hạn	210		9.570.048	9.570.048
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	9.570.048	9.570.048
II Tài sản cố định	220		1.273.623.581.729	1.364.467.044.728
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.273.623.581.729	1.364.467.044.728
- Nguyên giá	222		2.556.794.978.281	2.557.351.867.923
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.283.171.396.552)	(1.192.884.823.195)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(915.724.800)	(915.724.800)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		166.947.986.005	150.139.289.638
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	166.947.986.005	150.139.289.638
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		20.651.539.884	9.695.672.038
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.9	20.651.539.884	9.695.672.038
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.509.886.776.158	1.556.037.696.501

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.063.175.016.609	1.093.664.784.575
I- Nợ ngắn hạn	310		189.087.617.625	137.544.064.822
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	6.145.067.059	11.316.683.224
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.386.000	4.252.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	16.073.997.999	3.389.924.796
4. Phải trả người lao động	314		1.688.051.307	1.736.460.712
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		255.434.000	1.742.619.454
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	26.707.158.805	2.657.186.652
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	135.805.985.323	112.377.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.13	1.785.597.400	1.778.922.726
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		620.939.732	2.541.015.258
II- Nợ dài hạn	330		874.087.398.984	956.120.719.753
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	627.180.216.383	763.986.201.706
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.13	246.907.182.601	192.134.518.047
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		446.711.759.549	462.372.911.926
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	446.711.759.549	462.372.911.926
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.492.000.000	249.492.000.000
1. Quỹ đầu tư phát triển	418		164.586.458.199	164.586.458.199
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.633.301.350	48.294.453.727
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		2.300.319.253	12.108.637.927
- LNST chưa phân phối kì này	421b		30.332.982.097	36.185.815.800
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.509.886.776.158	1.556.037.696.501

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	423.245.486.933	333.910.799.993
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	423.245.486.933	333.910.799.993
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	233.882.974.135	162.639.329.714
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		189.362.512.798	171.271.470.279
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	707.604.193	871.543.571
7. Chi phí tài chính	22	6.4	77.831.256.437	88.526.801.965
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		77.831.256.437	88.526.801.965
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	36.933.009.670	31.359.314.655
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	6.406.990.401	7.300.944.661
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		68.898.860.483	44.955.952.569
11. Thu nhập khác	31	6.7	350.767.137	123.953.324
12. Chi phí khác	32	6.7	13.400.000	41.997.989
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		337.367.137	81.955.335
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		69.236.227.620	45.037.907.904
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	24.909.913.369	8.756.995.612
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(10.955.867.846)	95.096.492
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		55.282.182.097	36.185.815.800
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	2.216	1.407

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ



Lê Quốc Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		69.236.227.620	45.037.907.904
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		90.967.927.545	67.644.928.408
- Các khoản dự phòng	03		54.779.339.228	(1.901.929.843)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(813.912.193)	(946.089.026)
- Chi phí lãi vay	06		77.831.256.437	88.526.801.965
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		292.000.838.637	198.361.619.408
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.000.747.196)	(2.467.023.792)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.257.289.510	(2.101.289.383)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.856.778.632)	(7.183.270.326)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(77.831.256.437)	(88.526.801.965)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.847.017.508)	(9.681.537.221)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.005.650.000)	(2.099.225.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		189.716.678.374	86.302.471.721
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(14.060.029.540)	(11.312.631.010)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		106.308.000	404.545.455
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		707.604.193	871.543.571
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.246.117.347)	(10.036.541.984)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	7.050.505.254
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(113.377.000.000)	(84.418.505.254)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(44.909.040.270)	(49.603.742.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(158.286.040.270)	(126.971.742.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		18.184.520.757	(50.705.813.063)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.958.216.031	70.664.029.094
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	38.142.736.788	19.958.216.031

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 07/8/2020. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 0302095576.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 07/8/2020 là 249.492.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng*)

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán HTI.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 190 người (tại ngày 31/12/2021 là 201 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là Đầu tư các dự án BOT giao thông và Xây dựng công trình

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng nhà các loại; Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003, Phụ lục hợp đồng số 3979/2011/PLHĐ-B.O.T ngày 01/9/2011 có thời gian thu phí hoàn vốn 192 tháng (từ tháng 2/2017 đến hết tháng 1 năm 2033) (*Giai đoạn 2*) và Phụ lục Hợp đồng số 23969/2014/PLHĐ-B.O.T ngày 22/9/2014 có thời gian thu phí hoàn vốn 217 tháng tính từ thời điểm bắt đầu điều chỉnh giá vé thu phí của Dự án BOT từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2033 (*Giai đoạn 3*), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2022 là:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO - Xí nghiệp Xây dựng IDICO - IDI	560A Quốc lộ 1A, Khu phố 6 - phường Bình Hưng Hòa B - quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM; ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 20
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T An Sương - An Lạc được khấu hao trong thời gian kể từ khi công trình, hạng mục công trình đưa vào thu phí tới hết thời gian thu phí. Do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An Sương - An Lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn 390/BTC-TCĐN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính đến tháng 01/2017. Các hạng mục bổ sung của Dự án đầu tư B.O.T An Sương - An Lạc là Cầu vượt Hương lộ 2 và Cầu vượt Tỉnh lộ 10 – Tỉnh lộ 10B cũng được khấu hao theo Phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm theo tỷ lệ được quy định trong Phụ lục Hợp đồng B.O.T.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý thu phí được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý thu phí, quản lý doanh nghiệp được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động thu phí sử dụng đường bộ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ thu phí (thu tiền từ khách hàng).

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16578
TY
AN
TR
NG
0
HOC
M
CO
T
KI
PA
O

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ và xây dựng là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ trong năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu lĩnh vực kinh doanh là thu cước đường bộ, doanh thu bộ phận từ hoạt động xây lắp cung cấp ra ngoài chiếm dưới 10% trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận và hoạt động theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.256.095.607	5.905.559.461
Tiền gửi ngân hàng	2.678.504.501	14.052.656.570
Các khoản tương đương tiền (i)	34.208.136.680	-
Tổng	38.142.736.788	19.958.216.031

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng với lãi suất bình quân 5,8%/năm tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần.

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH TM DV và xây dựng Thiên Vũ	4.956.467.024	2.783.839.001
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	2.126.212.000	263.280.000
Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Ngọc Viễn Đông	1.423.236.269	4.273.236.269
Phải thu khách hàng khác	30.000.000	30.000.000
Tổng	8.535.915.293	7.350.355.270

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
 phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.3 Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2022 (VND)		Tại ngày 01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.018.638.062	-	1.554.261.604	667.359.558
Tạm ứng	289.558.580	-	298.075.549	-
Ký cược ký quỹ	149.766.008	-	149.766.008	-
Bồi thường giải phóng mặt bằng Tân Kỳ Tân Quý	390.000.000	-	390.000.000	-
Phải thu khác	189.313.474	-	716.420.047	667.359.558
b) Dài hạn	9.570.048	-	9.570.048	-
Ký cược, ký quỹ	9.570.048	-	9.570.048	-
Tổng	1.028.208.110	-	1.563.831.652	667.359.558

5.4 Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2022 (VND)		Tại ngày 01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ông Ngô Văn Quang	-	-	116.574.900	-
Ông Trương Bá Tông	-	-	325.977.668	-
Nợ xấu của các đối tượng khác	-	-	301.875.593	-
Tổng	-	-	744.428.161	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.5 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2022 (VND)		Tại ngày 01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	66.297.958	-	504.174.740	-
Công cụ, dụng cụ	33.051.000	-	29.350.000	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1.823.113.728	-
Tổng	99.348.958	-	2.356.638.468	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Kim 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,

phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dung cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	2.525.377.814.814	17.516.061.124	11.698.474.186	2.759.517.799	2.557.351.867.923
Tăng trong năm	275.552.091	435.220.000	-	-	710.772.091
Mua trong năm	-	435.220.000	-	-	435.220.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	275.552.091	-	-	-	275.552.091
Giảm trong năm	(586.307.545)	-	(681.354.188)	-	(1.267.661.733)
Giảm khác	(586.307.545)	-	(681.354.188)	-	(586.307.545)
Thanh lý nhượng bán	-	-	(681.354.188)	-	(681.354.188)
Số dư tại ngày 31/12/2022	2.525.067.059.360	17.951.281.124	11.017.119.998	2.759.517.799	2.556.794.978.281
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.171.659.858.811	11.055.579.042	8.644.145.992	1.525.239.350	1.192.884.823.195
Tăng trong năm	88.916.055.803	962.041.594	801.255.246	288.574.902	90.967.927.545
Khấu hao trong năm	88.916.055.803	962.041.594	801.255.246	288.574.902	90.967.927.545
Giảm trong năm	-	-	(681.354.188)	-	(681.354.188)
Thanh lý nhượng bán	-	-	(681.354.188)	-	(681.354.188)
Số dư tại ngày 31/12/2022	1.260.575.914.614	12.017.620.636	8.764.047.050	1.813.814.252	1.283.171.396.552
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày ngày 01/01/2022	1.353.717.956.003	6.460.482.082	3.054.328.194	1.234.278.449	1.364.467.044.728
Tại ngày ngày 31/12/2022	1.264.491.144.746	5.933.660.488	2.253.072.948	945.703.547	1.273.623.581.729

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2022 là 797.473.982.059 VND (tại ngày 31/12/2021: 797.067.825.297 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	915.724.800	915.724.800
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>915.724.800</u>	<u>915.724.800</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	915.724.800	915.724.800
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>915.724.800</u>	<u>915.724.800</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 31/12/2022	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 31/12/2022 là 915.724.800 VND (tại ngày 01/01/2022 là: 915.724.800 VND).

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án cầu Tân Kỳ Tân Quý, TP. HCM	158.378.916.254	148.717.804.267
Công trình Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC)	8.569.069.751	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định (duy tu)	-	1.421.485.371
Tổng	<u>166.947.986.005</u>	<u>150.139.289.638</u>

5.9 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Trích dự phòng chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn	20.651.539.884	9.695.672.038
Tổng	<u>20.651.539.884</u>	<u>9.695.672.038</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP.HCM

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.10 Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2022 (VND)		Tại ngày 01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Thiên Ân	1.635.420.589	1.635.420.589	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Biển bạc Miền Nam	860.827.066	860.827.066	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế công trình Quý đạo	645.208.653	645.208.653	769.600.000	769.600.000
Công ty TNHH XNK TM DV XD Đại Hòa Phát	-	-	1.484.780.000	1.484.780.000
Công ty Cổ phần Công nghệ tự động Tâm nhìn	-	-	909.095.601	909.095.601
Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Phát triển nhà Đô thị	-	-	2.694.344.807	2.694.344.807
Các đối tượng khác	3.003.610.751	3.003.610.751	5.458.862.816	5.458.862.816
Tổng	6.145.067.059	6.145.067.059	11.316.683.224	11.316.683.224
	207.537.255	207.537.255	167.545.427	167.545.427

Trong đó: Số dư phải trả người bán với bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm	
	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022
Phải nộp	3.389.924.796	53.357.870.595	40.673.797.392	16.073.997.999
Thuế GTGT	1.777.444.610	27.217.359.154	27.801.586.016	1.193.217.748
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.510.272.478	24.909.913.369	11.847.017.508	14.573.168.339
Thuế thu nhập cá nhân	102.207.708	1.226.598.072	1.021.193.868	307.611.912
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-

Đơn vị tính: VND



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.12 Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	627.515.700	847.451.228
Cổ tức phải trả TCT IDICO - CTCP	14.345.790.000	-
Cổ tức phải trả America LLC	2.285.100.000	-
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	9.309.690.300	991.860.570
Các khoản phải trả, phải nộp khác	139.062.805	817.874.854
<i>Phải trả các đội thi công của Công ty</i>	<i>63.627.724</i>	<i>684.676.249</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>75.435.081</i>	<i>133.198.605</i>
Tổng	26.707.158.805	2.657.186.652
<i>Số dư phải trả ngắn hạn khác với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)</i>	<i>14.345.790.000</i>	<i>-</i>

5.13 Dự phòng phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.785.597.400	1.778.922.726
Chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn các hạng mục (i)	1.785.597.400	1.778.922.726
b) Dài hạn	246.907.182.601	192.134.518.047
Chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn các hạng mục (i)	246.907.182.601	192.134.518.047
Tổng	248.692.780.001	193.913.440.773

(i) Đây là khoản dự phòng phải trả căn cứ vào các phụ lục Hợp đồng BOT thuộc các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc theo Phương án tài chính về việc dự phòng chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình-Hung Hòa B, quận Bình Tân, TP.HCM

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 Vay và nợ thuế tài chính

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	135.805.985.323	135.805.985.323	135.805.985.323	112.377.000.000	112.377.000.000	112.377.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	-	112.377.000.000	112.377.000.000	112.377.000.000
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201101490 (i)	8.952.000.000	8.952.000.000	8.952.000.000	35.469.000.000	35.469.000.000	35.469.000.000
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201402329 (ii)	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	34.908.000.000	34.908.000.000	34.908.000.000
- Khế ước vay số 1801-LDS-201700141 (iii)	86.853.985.323	86.853.985.323	86.853.985.323	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
- Khế ước vay số 1801-LAV-201800257 (iv)	627.180.216.383	627.180.216.383	-	-	-	-
Vay dài hạn	627.180.216.383	627.180.216.383	-	136.805.985.323	763.986.201.706	763.986.201.706
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	-	136.805.985.323	763.986.201.706	763.986.201.706
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201101490 (i)	225.499.797.625	225.499.797.625	-	8.951.000.000	234.450.797.625	234.450.797.625
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201402329 (ii)	401.680.418.758	401.680.418.758	-	40.001.000.000	441.681.418.758	441.681.418.758
- Khế ước vay số 1801-LDS-201700141 (iii)	-	-	-	87.853.985.323	87.853.985.323	87.853.985.323
- Khế ước vay số 1801-LAV-201800257 (iv)	-	-	-	-	-	-
Tổng	762.986.201.706	762.986.201.706	135.805.985.323	249.182.985.323	876.363.201.706	876.363.201.706

(i) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201101490 ngày 18/10/2011. Số tiền vay theo hợp đồng 630.469.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư xây dựng các hạng mục bổ sung thuộc dự án cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 1A đoạn An Suong - An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003. Thời hạn vay là 9,5 năm (thời gian gia hạn gốc 2,5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian trả nợ gốc là 7 năm kể từ ngày kết thúc của ngày kết thúc thời gian gia hạn). Lãi suất cho vay theo công bố của Eximbank. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suong - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Tp. Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003.

5.14 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TÀNG IDICO
Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP.HCM

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(ii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201402329 ngày 23/09/2014. Số tiền vay theo hợp đồng 320.446.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư bổ sung công trình *xây dựng nút giao thông tại giao lộ Quốc lộ 1/Hương lộ 2 (giai đoạn 3)* thuộc dự án BOT cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1, đoạn An Suông - An Lạc. *Thời hạn cho vay là 174 tháng* kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn 09 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng 11% cho 12 tháng đầu, sau đó lãi suất cho vay bằng lãi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực kể từ ngày giải ngân công 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003; Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHĐ-B.O.T ngày 01/09/2011 và Phụ lục Hợp đồng 2 số 23969/PLHĐ-B.O.T ngày 22/09/2014.

(iii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201700141 ngày 15/02/2017 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 509.856.000.000 đồng. Mục đích vay: *"Đề đầu tư cho dự án Đầu tư Công trình Xây dựng bổ sung nút giao khác mức tại giao lộ Quốc lộ 1- đường Lê Trọng Tấn - đường Nguyễn Thị Tú thuộc dự án BOT Cải tạo quốc lộ 1, đoạn An Suông - An Lạc"*. Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/05/2020, thời gian ân hạn 39 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay từng lần 180 tháng. Lãi suất cho vay từng lần giải ngân 9,1% trong thời gian thi công, sau thời gian thi công lãi suất cho vay bằng lãi suất công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân + 3,3% /năm. Tài sản đảm bảo: "Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-1915) địa phận Tp. Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T .

(iv) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201800257 ngày 14/03/2018 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 350.460.000.000 đồng. Mục đích vay: *"Đầu tư xây dựng bổ sung cầu mới Tân Kỳ Tân Quý thuộc dự án BOT Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn An Suông - An Lạc"*. Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/5/2022, thời gian ân hạn 51 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân công biên độ 3,5%/ năm.. Tài sản đảm bảo: "Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-1915) địa phận TP Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP.HCM

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	249.492.000.000	164.586.458.199	39.482.076.062	453.560.534.261
Tăng trong năm	-	-	36.185.815.800	36.185.815.800
Lãi trong năm trước	-	-	36.185.815.800	36.185.815.800
Giảm trong năm	-	-	(27.373.438.135)	(27.373.438.135)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.424.238.135)	(2.424.238.135)
Chia cổ tức năm 2020	-	-	(24.949.200.000)	(24.949.200.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	249.492.000.000	164.586.458.199	48.294.453.727	462.372.911.926
Số dư tại ngày 01/01/2022	249.492.000.000	164.586.458.199	48.294.453.727	462.372.911.926
Tăng trong năm	-	-	55.282.182.097	55.282.182.097
Lãi trong năm nay	-	-	55.282.182.097	55.282.182.097
Giảm trong năm	-	-	(70.943.334.474)	(70.943.334.474)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.085.574.474)	(1.085.574.474)
Chia cổ tức năm 2021 (i)	-	-	(44.908.560.000)	(44.908.560.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2022 (ii)	-	-	(24.949.200.000)	(24.949.200.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	249.492.000.000	164.586.458.199	32.633.301.350	446.711.759.549

Đơn vị tính: VND

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCD ngày 28/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 3% trên lợi nhuận sau thuế năm 2021 với số tiền là 1.085.574.474 VND.

- Chia cổ tức năm 2021 bằng tiền 18% trên vốn điều lệ với số tiền là 44.908.560.000 VND theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị vào ngày 26/8/2022.

(ii) Công ty đã tạm ứng cổ tức 2022 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT ngày 28/9/2022 của Hội đồng quản trị với giá trị tương ứng là 24.949.200.000 VND, ngày đăng ký cuối cùng là 16/12/2022, thời gian chi tạm ứng kể từ ngày 16/01/2023 theo thông báo số 1822/TB-SGDCKHCM ngày 05/10/2022. Đến ngày 31/12/2022 số cổ tức năm 2021 đối với số cổ phiếu đã lưu ký và cổ phiếu chưa lưu ký mà các cổ đông đến làm thủ tục nhận cổ tức đã được thanh toán hết.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty IDICO - CTCP	57,50%	14.345.790	143.457.900.000	57,50%	14.345.790	143.457.900.000
Vốn góp của cổ đồng khác	42,50%	10.603.410	106.034.100.000	42,50%	10.603.410	106.034.100.000
Tổng	100%	24.949.200	249.492.000.000	100%	24.949.200	249.492.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND (Trình bày lại)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	249.492.000.000	249.492.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	69.857.760.000	24.949.200.000
Cổ tức đã chia thuộc lợi nhuận năm 2020	-	24.949.200.000
Cổ tức đã chia thuộc lợi nhuận năm 2021	44.908.560.000	-
Tạm ứng cổ tức thuộc lợi nhuận năm 2022	24.949.200.000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	164.586.458.199	164.586.458.199
Tổng	164.586.458.199	164.586.458.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		
Trương Bá Tòng	325.977.668	325.977.668
Ngô Văn Quang	116.574.900	116.574.900
Lê Hùng Cường	70.000.000	70.000.000
Lê Thị Thoa	60.000.000	60.000.000
Công ty TNHH TVĐT XD Năng lượng Thái Bình Dương	30.000.000	30.000.000
Phạm Thị Một	29.591.360	29.591.360
Trịnh Thị Hôn	27.269.760	27.269.760
Các đối tượng khác	85.014.473	85.014.473
Tổng	744.428.161	744.428.161

Trong năm 2022, Công ty đã xử lý khoản nợ dự phòng phải thu khó đòi theo Báo cáo tài chính và xử lý kết quả kiểm kê theo quyết định của chủ tịch Hội đồng kiểm kê.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu thu cước đường bộ	421.233.794.319	308.603.172.723
Doanh thu hoạt động xây lắp	2.011.692.614	25.307.627.270
Tổng	423.245.486.933	333.910.799.993

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn thu cước đường bộ	231.993.827.600	137.837.854.989
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.889.146.535	24.801.474.725
Tổng	233.882.974.135	162.639.329.714

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	707.604.193	871.543.571
Tổng	707.604.193	871.543.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	77.831.256.437	88.526.801.965
Tổng	77.831.256.437	88.526.801.965

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	25.910.714.138	22.871.428.164
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.078.492.967	1.013.544.787
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	91.720.017	438.677.273
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.400.798.561	1.515.614.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.958.200.498	5.026.479.985
Chi phí bằng tiền khác	493.083.489	493.570.181
Tổng	36.933.009.670	31.359.314.655

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.182.777.845	2.957.791.607
Chi phí vật liệu quản lý	164.162.486	223.245.624
Chi phí đồ dùng văn phòng	94.588.889	63.330.376
Chi phí khấu hao TSCĐ	412.749.456	449.518.966
Thuế phí và lệ phí	252.696.647	275.795.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.754.620.584	1.480.023.160
Chi phí bằng tiền khác	2.545.394.494	1.851.239.438
Tổng	6.406.990.401	7.300.944.661

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý Tài sản cố định	106.308.000	54.545.455
Các khoản khác	244.459.137	69.407.869
Tổng	350.767.137	123.953.324
Chi phí khác		
Các khoản khác	13.400.000	41.997.989
Tổng	13.400.000	41.997.989
Lợi nhuận khác thuần	337.367.137	81.955.335

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.151.945.259	31.790.923.362
Chi phí nhân công	48.808.492.737	40.460.342.433
Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.967.927.545	67.644.928.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.604.900.435	54.220.748.301
Chi phí khác bằng tiền	63.689.708.230	12.175.968.106
Tổng	277.222.974.206	206.292.910.610

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	69.236.227.620	45.037.907.904
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	55.313.339.222	649.000.001
Trích trước chi phí duy tu sửa chữa (a)	54.779.339.228	-
Chi phí không được trừ	533.999.994	649.000.001
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	1.901.929.843
Hoàn nhập chi phí duy tu sửa chữa (b)	-	1.901.929.843
2. Thu nhập tính thuế	124.549.566.842	43.784.978.062
2.1 Thu nhập từ hoạt động khác	122.546.079	506.152.545
- Thuế suất	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp	24.509.216	101.230.509
2.2 Thu nhập hoạt động thu phí	124.427.020.763	43.278.825.517
- Thuế suất	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp	24.885.404.153	8.655.765.103
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.909.913.369	8.756.995.612
4. Thuế TNDN hoãn lại (j) = (a) x (h)	(10.955.867.846)	95.096.492

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Trích dự phòng chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn	54.779.339.228	-
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Trích dự phòng chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn	-	1.901.929.843
Thuế suất	20%	5%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(10.955.867.846)	95.096.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.282.182.097	36.185.815.800
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(1.085.574.474)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	55.282.182.097	35.100.241.326
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (ii)	2.216	1.407

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2022. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày lại như sau:

	Năm 2021		Chênh lệch
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.185.815.800	36.185.815.800	-
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.085.574.474)	(1.085.574.474)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.185.815.800	35.100.241.326	(1.085.574.474)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.949.200	24.949.200	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.450	1.407	(44)

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - UDICO
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - INCON
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a) Thù lao Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	105.000.001	110.000.000
Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT	70.999.999	84.666.667
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT	70.999.999	84.666.667
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	70.999.999	84.666.667
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên ĐL HĐQT	40.888.888	-
Ông Trần Quốc Toàn	Nguyên thành viên ĐL HĐQT	30.111.111	41.666.667
Bà Trần Thúy Hương	Nguyên thành viên HĐQT	-	43.000.000
Ông Nguyễn Vũ Minh Hồng	Nguyên thành viên ĐL HĐQT	-	43.000.000
Tổng		388.999.997	491.666.668

b) Thù lao Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng BKS - Người CBTT	635.998.714	636.431.054
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên BKS	53.999.999	56.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên BKS	53.999.999	56.000.000
Tổng		743.998.712	748.431.054

c) Thu nhập Ban Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc	783.755.426	784.209.173
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	647.199.026	646.110.184
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc	648.998.714	630.650.073
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	637.705.979	638.667.309
Ông Nguyễn Trường Vũ	Kế toán trưởng	614.595.215	599.087.824
Bà Trần Thị Hà	Người phụ trách quản trị Công ty	36.999.999	45.333.333
Tổng		3.369.254.359	3.344.057.896

d) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cổ tức đã chia		40.168.212.000	26.196.660.000
IDICO	Cổ tức đã chia	40.168.212.000	26.196.660.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

e) Số dư phải trả các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2022</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2022</u> <u>VND</u>
Phải trả cho người bán		207.537.255	167.545.427
IDICO - INCON	Cùng Công ty mẹ	207.537.255	167.545.427
Phải trả ngắn hạn khác		14.345.790.000	-
Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	14.345.790.000	-

7.3. Các cam kết

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có khoản cam kết đầu tư vào dự án công trình xây dựng bổ sung cầu mới Tân Kỳ Tân Quý thuộc dự án BOT Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn An Sương An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 1279/2018/PLHĐ-BOT ngày 11/01/2018. Tổng mức đầu tư của dự án là: 312.702.000.000 VND, giá trị đã thực hiện của dự án là: 158.378.916.254 VND.

7.4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt